**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | | | | **%**  **Tổng**  **điểm** | |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | | | ***Số CH*** | | | **Thời gian**  ***(phút)*** | | |
| *Số CH* | *Thời gian*  *(phút)* | | *Số CH* | | *Thời gian*  *(phút)* | | *Số CH* | *Thời gian*  *(phút)* | *Số CH* | | *Thời gian*  *(phút)* | | *TN* | | *TL* |  | | |  | |
| 1 | **A.** CÁC NGUỒN LỰC, mỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ. | **A.1.** Các nguồn lực phát triển kinh tế. |  |  | | 2 | | 3,0 | |  |  |  | |  | | 5 | | 0 |  | | | 16.7 | |
| **A.2.** Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. | 1 | 1,5 | | 2 | | 3,0 | |  |  |  | |  | |
| 2 | **B.** ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN. | **B.1.** Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. | 2  **1(a\*)** | 3,0  5,0 | |  | |  | |  |  | **1(b\*)** | | 7,5 | | 10 | | 1 |  | | | 63,3 | |
| **B.2.** Địa lí ngành nông nghiệp. |  |  | | 3 | | 4,5 | |  |  |  | |  | |
| **B.3.** Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản. | 2 | 3,0 | |  | |  | |  |  |  | |  | |
| **B.4.** Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. | 1 | 1,5 | | 2 | | 3,0 | |  |  |  | |  | |
| 6 | **C.** KĨ NĂNG. | **F.** Tính toán, phân tích bảng số liệu. |  |  | |  | |  | | **1\*\*** | 10 |  | |  | |  | | 1 |  | | | 20 | |
| **Tổng** | | | **6** | | **16,5** | | **9** | | **13,5** | **1** | **10** | **1** | | | **5,0** | **15** | | **3** | | | **45,0** | | **100** | |
| **Tỉ lệ %** | | | **40.0%** | | | | **30.0%** | | | **20.0%** | | | **10.0%** | | | | **100%** | | | | | | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A.** CÁC NGUỒN LỰC, mỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ. | **A.**1. Các nguồn lực phát triển kinh tế. | **Thông hiểu:**  – Phân tích được sơ đồ nguồn lực  – Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối với phát triển kinh tế. |  | **2** |  |  |
| **A.2.** Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. | **Nhận biết:**  – Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.  – So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người. |  | **2** |  |  |
| **2** | **B.** ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN. | **B.1.** Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản. | **2**  **1(b\*)** |  |  | **1(a\*)** |
| **Vận Dụng Cao:**  – Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. |
| **B.2.** Địa lí ngành nông nghiệp. | **Thông hiểu:**  – Trình bày được vai trò của ngành trồng trọt, chăn nuôi.  – Giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. |  | **3** |  |  |
| **B.3.** Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản. | **Nhận biết:**  – Trình bày được đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản. | **2** |  |  |  |
| **B.4.** Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. | **Nhận biết:**  – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. | **1** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.  – Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. |  | **2** |  |  |
| **3** | **C. Kĩ năng** | **F.** Tính toán, phân tích bảng số liệu. | **Vận dụng:**  – Tính toán, nhận xét bảng số liệu về ......... |  |  | **1\*\*** |  |
| **Tổng** | | | **100** | **6 TN**  **1/2 TL** | **9 TN** | **1 TL** | **1/2 TL** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | | **100%** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

*Ngày tháng 3 năm 2022*

**DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG**